



yóu lún

游轮

noun · cruise ship

Example Sentences

Zhè sōu yóu lún hěn dà

这艘游轮很大。

This cruise ship is very big.

Wǒ men zuò yóu lún qù Rì běn lǚ xíng

我们坐游轮去日本旅行。

We took a cruise ship to travel to Japan.

Yóu lún shàng de cān tīng tí gōng gè guó měi shí

游轮上的餐厅提供各种美食。

The restaurants on the cruise ship offer cuisines from various countries.

Trace each character, then write the word on your own.

游	游	游	游	游	游	游	游	游	游	游
游	游	游	游							

轮	轮	轮	轮	轮	轮	轮	轮	轮	轮	轮
